**CHỦ ĐỀ: "TRƯỜNG MẦM NON VÀ BÉ VUI HỘI TRĂNG RẰM”**

Thực hiện trong 4 tuần từ ngày 15/9- 10/10/2025

GV thực hiện: Ngô Thị Thùy Trang - Lớp: Mẫu giáo Nhỡ B

Tuần 1: Trường mầm non thân yêu (15/9- 19/9/2025)

Tuần 2: Lớp học của bé (22/9- 26/9/2025)

Tuần 3: Bé vui đón Tết trung thu (29/9- 03/10/2025)

Tuần 4: Các hoạt động của bé ở trường mầm non (7/10- 10/10/2025)

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG - CHĂM SÓC SỨC KHỎE VỆ SINH**

**CHỦ ĐỀ: “Trường mầm non Diễn Kỷ”**

Thực hiện trong 4 tuần từ ngày 15/9 đến ngày 10/10/2025

**Giáo viên thực hiện: Cao Thị Thu Hương**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung :** | **Mục đích yêu cầu** | **Tổ chức hoạt động** | **Kết quả** |
| 1 | **Nuôi**  **dưỡng**  **- Ăn uống**    **- Chăm sóc giấc ngủ** | - Nhận biết một số thực phẩm thông thường quen thuộc.  - Cân nặng của trẻ nằm trong kênh A:    + Trẻ trai : 14,4 – 23,5 kg.    + Trẻ gái :  13,8 – 23,2 kg.  - Chiều cao của trẻ nằm trong kênh A.    + Trẻ trai :  100,7 – 119,1 cm     + Trẻ gái :  99,5 – 117,2 cm.  - Trẻ nhận biết được các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng đủ chất với sự phát triển của cơ thể mình.  - Biết mời cô, mời bạn trước lúc bắt đầu ăn uống.  - Cầm thìa tay phải, tự xúc cơm ăn gọn gàng, thành thạo, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện đùa nghịch trong khi ăn. ăn hết suất, ngon miệng . Ngồi ngay ngắn, không co chân lên ghế, không làm đổ vãi.  - Biết làm một số việc tự phục vụ, lấy cất đồ dùng đúng nơi quy định.  - Biết giữ VS trong ăn uống.  Chỗ ngủ thông thoáng mát mẻ về mùa hè, ấm mùa đông, sạch sẽ yên tĩnh. Ít ánh sáng khi trẻ ngủ.  - Trẻ ngủ thoải mái, có đủ giường gối, chăn mùa đông, quạt mùa hè.  - Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc từ 150 phút.  - Trẻ ngủ ngon giấc, đầy giấc  - Biết làm một số việc tự phục vụ | - Tổ chức bữa ăn cho trẻ ở lớp.  + Sắp xếp bàn ghế ngay thẳng hàng – có đủ bàn ghế cho trẻ.  + Chuẩn bị đĩa đựng cơm rơi, đĩa đặt khăn ẩm lau tay.  - Trẻ được cân đo  theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng lần 1  - Giới thiệu với trẻ về  món ăn trẻ đang ăn, cung cấp chất gì, tác dụng của  thức ăn với cơ thể.  - Giáo dục dinh dưỡng lồng ghép vào hoạt động có chủ đích vào hoạt động góc, các hoạt động trong ngày của trẻ.  Trò chuyện với trẻ, xem tranh đọc thơ, bài hát, kể chuyện, sinh nhật, hội thi, lễ hội.  - Cho trẻ chơi chọn nhóm TP theo gợi ý của cô.  -Tập cho trẻ có thói quen làm một số việc phục vụ nh tự lấy ghế ngồi, ăn xong tự lấy nước uống, lấy khăn lau miệng, cất đồ dùng đúng nơi quy định.    - Chuẩn bị đầy đủ gối giường chiếu cho trẻ đi vệ sinh trước lúc ngủ.  - Tập cho trẻ tự đi lấy gối, chăn.  - Tạo sự êm dịu bằng hát ru để trẻ ngủ dễ dàng, không có trẻ thức. |  |
| **2**  **a**    **b** | **Vệ sinh**  **VS cá nhân trẻ**  **-** Rửa tay lau mặt    - Vệ sinh răng  miệng.    - Vệ sinh đi đại tiểu tiện    - VS quần áo giày dép  **Vệ sinh**  **VS cá nhân cô** | - Đảm bảo đồ dùng cá nhân trẻ đầy đủ, riêng biệt.  - Trẻ tự rửa tay lau mặt   trước và sau khi ăn đúng thao tác lấy đúng đồ dùng của mình.  - Biết rửa tay, mặt khi bẩn và sau khi đi vệ sinh, rửa tay bằng xà phòng.  - Vệ sinh răng miệng cho trẻ  Sau khi ăn    - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, giữ vệ sinh nhà vệ sinh.    -VS quần áo giày dép  - Luyện cho trẻ có thói quen, hành vi vệ sinh, giữ VS cá nhân sạch sẽ.  - VS da, tóc, móng tay  - VS răng miệng  - VS áo quần, đồ dùng cá nhân  - Khám SK định kỳ | - Mỗi trẻ có 1 khăn mặt riêng có ký hiệu.  - Có đủ nước sạch – trẻ rửa tay dưới vòi nước sạch vừa tầm tay trẻ, có xà phòng, xô đựng cho rửa khi rửa tay.  - Mua đủ giấy VS mềm, sạch.  - Tổ chức cho trẻ hoạt động VS tự phục vụ dưới sự giám sát gợi ý của cô nhắc trẻ thực hiện đúng thao tác.  - Khu vực VS có đủ rộng, thoáng, sạch.  - Trò chuyện với trẻ về VS cá nhân.  - Lồng ghép vào các hoạt động học tập vào hoạt động vui chơi, các hoạt động trong ngày,mọi lúc, mọi nơi.  - Tập cho trẻ thói quen uống, súc miệng sau khi ăn, súc nước muối sáng ngủ dậy..  Làm quen giữ VS răng miệng và tập đánh răng phối hợp gia đình tập cho trẻ ở nhà, bỏ thói quen ăn quà vặt, kẹo, bánh ngọt.  - Khám răng định kỳ (tuyên truyền phụ huynh) để chữa răng khi bị đau.  Luyện thở bằng mũi để răng miệng không bị khô.  Hướng dẫn nhắc nhở trẻ đi VS đúng nơi quy định, bỏ giấy vệ sinh vào nơi quy định, biết xả   nước vào bệt sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng sau khi đi đại tiện.  - Thay quần khi trẻ đái ớt, cởi bớt áo quần khi trời nóng, mặc khi trời lạnh. Mặc quần áo phù hợp thời tiết.  - Có dép đi trong lớp, dép ở nhà.  - Cô cắt ngắn móng tay, vệ sinh tóc, da, tắm rửa hàng tháng, đầu tóc chải cặp gọn gàng, sạch sẽ.  - Rửa tay sạch bằng xà phòng và nước sạch trước khi cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, sau khi đi vệ sinh. Sau khi làm vệ sinh cho trẻ quét rác lau nhà.  - Đeo khẩu trang khi chia thức ăn, khi ho, sổ mũi, viêm họng.  - Quần áo gọn gàng, sạch sẽ, mặc đồng phục công tác khi ở  trường.  - Tham gia vào thực hiện khám SK định kỳ do trường tổ chức. |  |
| **C** | **Vệ sinh môi trường**  - Vệ sinh đồ dùng đồ chơi.    - vệ sinh nhóm lớp, nhà vệ sinh.  - xử lý rác,   nước thải.  - Giữ sạch nguồn nước | - Vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ.  - Vệ sinh phòng nhóm, sắp xếp đồ dùng đồ chơi đúng nơi gọn gàng.  - Có đủ nước sạch, đổ dùng cho trẻ thực hiện vệ sinh.  - Giữ sạch nền nhà phòng học.  - Vệ sinh sân trường, xung quanh lớp học.  - Tạo môi trường cây xanh bóng mát ở sân  Trường, xử lý rác thải,  nước thải.  - Biết giữ sạch nguồn nước | - Lên lịch vệ sinh đồ dùng, đồ chơi định kỳ hàng tuần, ngày.  - Không sử dụng đồ dùng ăn uống bằng nhựa.  - Đánh chùi xô chậu, đồ dùng hàng ngày bằng khăn ẩm.  - Đồ dùng đồ chơi bằng nhựa gỗ tránh vỡ dễ chùi, rửa.  - Lau quét nền nhà sau khi ăn cơm, lát gạch nền nhà, thoáng mát phòng trước giờ đón trẻ và giờ ngủ.  - Tập thói quen để dép ở nhà bên ngoài  - Tập cho trẻ thói quen bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi.  -Giáo dục trẻ BVMT trong tiết học, vui chơi, tham quan mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm điện nước, biết bảo vệ nguồn nước sạch. |  |
| **3** | **Chăm sóc Sức khỏe**  **\* Khám sức khỏe định**  **Kỳ,** cân do TDSK trẻ    **\*Tiêm chủng và**  **Phòng dịch** | - Cân đo theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng cho trẻ SD D.  - 100% trẻ ở trường  đợt  khám sức khỏe, được cân đo theo dõi biểu đồ.  - Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh   dưỡng xuống dưới 7% cuối năm phòng chống suy sinh   dưỡng,  béo phì, theo dõi chiều cao trẻ.  -  Cần có tủ thuốc nhà   trường  - Xử trí ban đầu một số bệnh thường gặp, kỹ năng chăm sóc.  - Trẻ phát triển bình   thường, cân đối về cân nặng, chiều cao của lứa tuổi.trẻ vui vẻ, yên tâm, thích đi học, khỏe mạnh, trẻ được đảm bảo an toàn thân thể.  - 100% trẻ được tiêm chủng các bệnh thường gặp cần tiêm phòng ở độ tuổi này.  -Trẻ tiêm đúng, đủ mũi vắc xin.  - Phòng và chống dịch bệnh không để dịch bệnh xảy ra lây lan trong trường học. | - Phối hợp với Trạm y tế khám SK trẻ 2 lần/năm vào tháng 10 – tháng 3 hàng năm.  - Thực hiện cân đo theo dõi biểu đồ 1 quý/lần. Các kết quả được ghi chép đầy đủ vào sổ theo dõi sức khoẻ và biểu đồ tăng trưởng.  - Thông báo trao đổi với phụ huynh tình hình sức khoẻ, tình trạng bệnh lý của trẻ để tìm giải pháp chữa trị điều chỉnh chế độ  nuôi dưỡng chăm sóc SK trẻ – suy dinh dưỡng, béo phì, thấp còi, bị bệnh, bị khuyết tật.  - Xây dựng tủ thuốc có cửa với một số thuốc thông   thường giảm sốt, bông, ô xi già, bằng dầu cao, ô rê dôn...  - Thường xuyên kiểm tra ATTP, kiểm tra an toàn đồ dùng đồ chơi trong lớp, ngoài trời, không dùng đồ chơi có độc hại, sắc nhọn, dễ vỡ, chữa đồ dùng đồ chơi hỏng hóc.  Nhà trường kết hợp với trạm y tế xã để khám sức khỏe định kỳ, và tiêm  phòng, đúng ,đủ mũi vắc xin các bệnh ở độ tuổi này.  - Tuyên truyền tới các bậc phụ huynh phòng chống bệnh (tay chân miệng), Và các bệnh dịch khác. |  |
| **4** | **An toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp** | - Phòng tránh không để tai nạn xảy ra trong  Trường học.  -đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể lực và tâm lý | - Giáo dục trẻ thói quen vệ sinh, giữ sạch môi trường trong học tập, vui chơi, hoạt động trong ngày, trong lễ hội, hội thi.  - Giáo dục cho trẻ nhận biết  một số nguy cơ không an toàn để tránh và nói cho người lớn biết để cất hoặc sửa chữa.  - Cách bảo vệ chăm sóc các bộ phận của cơ thể và giác quan. |  |

**\* Đánh giá sự phát triển của trẻ:**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ:

- Kỹ năng của trẻ:

**MỤC TIÊU CÁC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** | | **Hoạt động** |
| **Lĩnh vực phát triển thể chất** | | | |
| **\* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | | |
| **MT 1.** Cân nặng của trẻ nằm trong kênh A: + Trẻ trai : 14,4 – 23,5 kg. + Trẻ gái : 13,8 – 23,2 kg. - Chiều cao của trẻ nằm trong kênh A. + Trẻ trai : 100,7 – 119,1 cm + Trẻ gái : 99,5 – 117,2 cm. | | - Ăn đủ chất dinh dưỡng P, G, L, VTM - Cho trẻ ngủ đủ giấc - Khám sức khoẻ định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. - Tiêm chủng phòng bênh theo quy định. - Tập luyện TDTT thường xuyên. - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ - Trẻ được khám sức khỏe ít nhất 1 lần trong năm học | - Tổ chức giờ ăn  - Tổ chức cân, đo theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ |
| **MT 6.** Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn | | Rèn cho trẻ tự xúc ăn gọn gàng trong các bữa ăn hàng ngày | - Tổ chức hoạt động ăn trưa |
| **MT 9.** Biết một số vật dụng nguy hiểm trong trường lớp và biết cách phòng tránh. | | - Quan sát và trò chuyện về những vật dụng trong trường lớp MN và không chơi gần, đùa nghịch: đồ dùng, đồ chơi sắc nhọn (kéo, bút chì...). | - Hoạt động học:  KNS: Dạy trẻ không chơi với các đồ dùng, đồ chơi sắc nhọn  - HĐ mọi lúc mọi nơi |
| \* **Phát triển vận động** | | | |
| **MT** 13. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh | | Thể dục sáng, bài tập vận động cơ bản  - Hô hấp: Hít vào, thở ra.  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  - Chân:  + Nhún chân.  + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.  + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. | - Tổ chức hoạt động thể dục sáng  - Tổ chức hoạt động học  - Hoạt động chơi ngoài trời |
| **MT 14.** Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động. | | - Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi.  - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  - Nhảy lò cò 3m | - Tổ chức hoạt động học:  + Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi.  + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  - Hoạt động chơi ngoài trời |
| **MT 15.** Trẻ phối hợp tốt tay- mắt trong vận động: Tung, đập, ném, bắt bóng. | | - Đập và bắt bóng tại chỗ. | - Tổ chức hoạt động học:  + Đập và bắt bóng tại chỗ.  - Hoạt động chơi ngoài trời |
| ***\*Lĩnh vực phát triển nhận thức*** | | | |
| **\* Khám phá khoa học** | | | |
| **MT 24.** Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. | | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2- 3 đồ dùng đồ chơi  - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1- 2 dấu hiệu | - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **MT 27.** Trẻ nói lên được nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | | - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. | - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **MT 31.** Trẻ đếm được trên đối tượng trong pham vi 2 | | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2 và nhận biết số 1, 2  *- Ứng dụng các bài học trên kênh VTV7 kids: 123 ta cùng đếm/Dạy bé học đếm số tiếng Việt.* | - Hoạt động học:  Dạy trẻ đếm đến 2, nhận biết số 1,2  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **MT 38**. Trẻ chỉ ra được các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 hình. | | - So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa hình tròn và tam giác | - Hoạt động học:  + Dạy trẻ so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa hình tròn và tam giác  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **\* Khám phá xã hội** | | | |
| **MT 44**. Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện | | - Trường Mầm non Diễn Kỷ thân yêu.  - Lớp học của bé | - Hoạt động học:  + Trường Mầm non Diễn Kỷ thân yêu.  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi  + Lớp học của bé |
| **MT 45.** Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các cô, bác công nhân viên trong nhà trường khi được hỏi, trò chuyện | | - Tên và công việc của các cô các bác trong trường | - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **MT 46.** Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện | | - Tên và đặc điểm của các bạn trong lớp  - Các hoạt động của trẻ ở trường | - Hoạt động trò chuyện  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi  - Hoạt động học:  + Các hoạt động của trẻ ở trường |
| **MT 48.** Trẻ kể được tên và đặc điểm của một số ngày lễ hội | | - Đặc điểm nổi bật của các ngày lễ hội của quê hương, đất nước  + Ngày hội bé đến trường  + Tết trung thu | - Hoạt động học:  + Trò chuyện về ngày Tết trung thu  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| ***Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** | | | |
| **\* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày** | | | |
| **MT 55.** Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định | | - Nghe hiểu nội dung câu chuyện:  + Mèo con đi học | - Hoạt động học:  + Mèo con đi học  + Món quà của cô giáo( Tú Anh)  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **MT 57.** Trẻ đọc thuộc thơ | | - Nghe, đọc một số bài thơ phù hợp với độ tuổi:  + Lời chào của em | - Hoạt động học:  + Lời chào của em  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **\* Làm quen với đọc- viết** | | | |
| **MT 64.** Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày | | - Làm quen một số lý hiệu: Nhà vệ sinh nam, vệ sinh nữ, cấm sờ vào ổ điện, các biển báo giao thông, ký hiệu đồ dùng cá nhân,... | - Hoạt động đón- trả trẻ  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| ***Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** | | | |
| **MT 67**. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay) theo bài hát, bản nhạc. | | - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi)  + Trường chúng cháu là trường mầm non | - Hoạt động học:  + VĐ vỗ tay theo nhịp bài hát “Trường chúng cháu là trường mầm non” |
| **MT 68.** Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ | | - Hát đúng giai điệu bài hát, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.  + Cô giáo | - Hoạt động học:  + Dạy hát: Cô giáo  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **MT 74**. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | | - Sử dụng kỹ năng vẽ để vẽ, tô màu các bức tranh phù hợp với chủ đề.  *+Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường*  *+Tô màu cô giáo và các bạn*  *+Vẽ đồ chơi trong lớp học* | - Hoạt động học:  *+Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường*  *+Tô màu cô giáo và các bạn*  *+Vẽ đồ chơi trong lớp học*  - Chơi hoạt động ở các góc |
| **MT 75.** Trẻ biết cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bô cục | | Sử dụng kỹ năng cắt, dán các bức tranh phù hợp với chủ đề:  *+ Cắt dán hàng rào trường MN* | - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| ***\* Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** | | | |
| **\* Thể hiện sự tự tin, tự lực trong các hoạt động và tham gia hội thi** | | | |
| **MT 82.** Trẻ tự chọn đồ chơi và trò chơi theo ý thích | | - Tổ chức cho trẻ chơi theo ý thích  - Hướng dẫn trẻ chọn đồ chơi và trò chơi theo ý thích | - Chơi hoạt động ở các góc  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **\* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | | | |
| **MT 89.** Trẻ biết và thực hiện một số quy định trong trường, lớp mầm non. | | - Hướng dẫn trẻ thực hiện một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ) | - Chơi hoạt động ở các góc  - Giờ ăn, ngủ |